

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **248/2021/HSST**

Ngày: 10/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Thanh Xuân và ông Nguyễn Văn Đang.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trần Quân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 160/2021/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2021/QĐXXST-HS ngày 01/9/2021, Thông báo chuyển ngày xét xử số 178/2021/TB-TA ngày 23/9/2021, đối với các bị cáo:

1. *Phạm Hữu M*, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/8/1988 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Hiện ở trọ tại: Số nhà 24 kiệt 33 đường A, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Hữu H, sinh năm 1956; con bà: Lê Thị C, sinh năm 1963; vợ con: Chưa có.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với gia đình tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, học đến lớp 12 thì nghỉ học; Ngày 23/01/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 05/2008/HSST); Ngày 05/02/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; tổng hợp với hình phạt 11 tháng 21 ngày tù (được trừ đi 09 ngày tạm giữ) của Bản án số 05/2008/HSST ngày 23/01/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa buộc Mạnh phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 05 tháng 21 ngày tù (Bản án số 35/2010/HSST).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Phạm Hữu H*, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06/02/1987 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông: *Phạm Hữu D*, sinh năm 1963; con bà: *Lê Thị V*, sinh năm 1963; vợ: *Phạm Thị L*, sinh năm 1990; con: Có 03 con, lớn nhất 13 tuổi, con nhỏ nhất 02 tuổi.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với gia đình tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, học đến lớp 12 thì nghỉ học; Ngày 21/8/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (Bản án số 39/2008/HSST);

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 03/3/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” (Bản án số 37/2014/HSPT). Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì đến ngày phạm tội mới, theo nguyên tắc có lợi, *Phạm Hữu H* đã được xóa án tích đối với Bản án số 39/2008/HSST ngày 21/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nên không còn tái phạm nguy hiểm. Ngày 27/10/2018, Hải chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Hoàng Công Q, sinh năm 1978; địa chỉ: 5/3/317 đường Đ, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Chị Trần Thị Thanh S, sinh năm 1969; địa chỉ: 25 Kiệt 16 đường K, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Chị Ngô Thị Bích P, sinh năm 1995; địa chỉ: 51/40 đường N, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

*Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Đắc T, sinh năm 1992; địa chỉ: 97 đường D, phường X, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 7/2020, *Phạm Hữu M* và *Phạm Hữu H* vào thành phố Huế và thuê trọ tại nhà nghỉ Gia Bảo ở kiệt 81 đường H, phường A, thành phố Huế để thực hiện việc cho vay tiền lãi nặng. Số tiền bỏ ra ban đầu để cho vay do cả hai góp chung là 100.000.000 đồng (mỗi người 50.000.000 đồng), tiền lãi thu được sẽ chia đều. Để phục vụ việc cho vay *H* sử dụng 2 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và iPhone 6 Plus màu vàng trắng và in các tờ rơi quảng cáo có tên “Cho vay trả góp .... số điện thoại 0376 426 723 ...” rồi rải trên các tuyến đường. Khi có người vay tiền gọi vào

số điện thoại trên thì M, H đến gặp, xác minh nơi ở và xem giấy tờ tùy thân sau đó thỏa thuận việc vay tiền. Hình thức là vay trả góp cả gốc lẫn lãi hằng ngày, thời hạn 25 ngày thì lãi suất 1,0%/ngày (tương đương 365%/năm), thời hạn 32 ngày thì lãi suất 0,88%/ngày (tương đương 319,38%/năm). Tiền phí làm hồ sơ dao động từ 300.000 đồng đến 2.000.000 đồng và sẽ trừ ngay vào số tiền vay. Người vay phải trả trước 2 ngày (đầu kỳ, cuối kỳ) và cũng bị trừ vào số tiền vay. Sau khi cho vay tiền, hằng ngày M, H sẽ đi thu tiền góp. Để theo dõi người vay và số tiền đã cho vay, Mạnh sẽ ghi chép nội dung các khoản vay, số ngày người vay trả nợ vào 01 quyển vở nhãn hiệu Công ty giấy Hải Tiến. Khoảng tháng 8/2020, do có việc gia đình nên H về quê còn M trực tiếp đi cho vay. Số tiền lãi thu được M gửi theo đường bưu điện cho H. Tháng 02/2021, H trở lại thành phố Huế và tiếp tục cùng M hoạt động cho vay.

Đến thời điểm bị Cơ quan điều tra phát hiện ngày 02/3/2021, Phạm Hữu M và Phạm Hữu H đã cho 07 người vay tiền lãi nặng với 32 khoản vay (trong đó: xác định được lai lịch của 03 người với 17 khoản vay và 04 người không xác định được lai lịch với 15 khoản vay). Cụ thể:

#### I. Đối với 03 người xác định được lai lịch:

1. Hoàng Công Q (sinh năm 1978; trú tại: 5/3/317 đường Đ, phường T, thành phố Huế), ký hiệu “A. Quân”, vay 07 lần:

Từ lần 1 đến lần 6: Mỗi lần anh Q vay 10.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, tiền phí 1.000.000 đồng. Tổng số tiền mỗi lần vay anh Q phải trả là 13.500.000 đồng. Anh Q đã trả hết nợ 6 lần với tổng số tiền là 81.000.000 đồng. Gồm 60.000.000 đồng tiền gốc, 6.000.000 đồng tiền phí, 15.000.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 821.916 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 14.178.084). Số tiền M, H thu lợi bất chính (gồm tiền phí và tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 20.178.084 đồng.

Lần 7: Anh Q vay 20.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, tiền phí 2.000.000 đồng. Tổng số tiền anh Q phải trả là 27.000.000 đồng. Anh Q đã trả hết nợ với tổng số tiền là 27.000.000 đồng. Gồm: 20.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền phí và 5.000.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 273.973 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.726.027 đồng). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 6.726.027 đồng.

2. Trần Thị Thanh S, sinh năm 1969; trú tại: 25 kiệt 16 đường K, phường P (nay là phường T), thành phố Huế, ký hiệu “Thoa Cửa Chài”, vay 09 lần. Mỗi lần chị S vay 5.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tiền phí 300.000 đồng. Tổng số tiền chị S phải trả mỗi lần vay là 6.550.000 đồng. Chị S đã trả hết nợ 8 lần với tổng số tiền là 52.400.000 đồng. Gồm: 40.000.000 đồng tiền gốc, 2.400.000 đồng tiền phí, 10.000.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 547.944 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 9.452.056 đồng). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 11.852.056 đồng.

Lần 9 chị S trả được 04 ngày với tổng số tiền là 1.300.000 đồng. Gồm: 800.000 đồng tiền gốc, 300.000 đồng tiền phí, 200.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 10.959 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 189.041 đồng), còn nợ

5.250.000 đồng (trong đó 4.200.000 đồng tiền gốc và 1.050.000 đồng tiền lãi). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 489.041 đồng.

3. Ngô Thị Bích P (sinh năm 1995; Nơi đăng ký HKTT 03 đường K, thành phố Huế; Chỗ ở: 51/40 đường N, phường V, thành phố Huế), ký hiệu “Phương lỗ” vay 01 lần 10.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, tiền phí 800.000 đồng. Tổng số tiền chị P phải trả là 13.300.000 đồng. Khi vay tiền, chị P giao cho M giữ 01 Sổ hộ khẩu của gia đình mình mang tên chủ hộ là Ngô T. Chị P trả được 02 ngày với tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Gồm: 800.000 đồng tiền gốc, 800.000 đồng tiền phí, 200.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 10.959 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 198.041 đồng), còn nợ 11.500.000 đồng (trong đó 9.200.000 đồng tiền gốc và 2.300.000 đồng tiền lãi). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 989.041 đồng.

Như vậy tổng số tiền Phạm Hữu M và Phạm Hữu H bỏ ra cho 03 người vay với 17 khoản vay là 135.000.000 đồng. M, H đã thu lại được là 163.500.000 đồng. Gồm: tiền gốc là 121.600.000 đồng, tiền phí là 11.500.000 đồng, tiền lãi là 30.400.000 đồng (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 1.665.753 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 28.734.247). Số tiền gốc còn lại những người vay chưa trả là 13.400.000 đồng. Số tiền M, H thu lợi bất chính (gồm tiền phí và tiền lãi vượt quá 20%/năm) là 40.234.247 đồng.

II. Đối với 04 người không xác định được lai lịch: Cơ quan điều tra đã xác minh, ra thông báo tìm kiếm người vay tiền của Phạm Hữu M và Phạm Hữu H nhưng đến nay vẫn không liên hệ làm việc được. Cụ thể:

1. Người vay có ký hiệu “Thi An Lỗ”, vay 06 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tiền phí 300.000 đồng. Tổng số tiền mỗi lần vay T phải trả là 6.550.000 đồng. T đã trả hết nợ 05 lần với tổng số tiền là 32.750.000 đồng. Gồm: 25.000.000 đồng tiền gốc, 1.500.000 đồng tiền phí, 6.250.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 342.465 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.907.535 đồng). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 7.407.535 đồng.

Lần 6: T trả được 12 ngày với tổng số tiền là 3.300.000 đồng. Gồm: 2.400.000 đồng tiền gốc, 300.000 đồng tiền phí, 600.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 32.877 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 567.123 đồng), còn nợ 3.250.000 đồng (trong đó 2.600.000 đồng tiền gốc và 650.000 đồng tiền lãi). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 867.123 đồng.

2. Người vay có ký hiệu “Liên An Lỗ”, vay 06 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tiền phí 300.000 đồng. Tổng số tiền mỗi lần vay L phải trả là 6.550.000 đồng. L đã trả hết nợ 05 lần với tổng số tiền là 32.750.000 đồng. Gồm: 25.000.000 đồng tiền gốc, 1.500.000 đồng tiền phí, 6.250.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 342.465 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.907.535 đồng). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 7.407.535 đồng.

Lần 6 L trả được 10 ngày với tổng số tiền là 2.800.000 đồng. Gồm: 2.000.000 đồng tiền gốc, 300.000 đồng tiền phí, 500.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức

20%/năm là 27.937 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 472.063 đồng), còn nợ 3.750.000 đồng (Trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 772.603 đồng.

3. Người vay có ký hiệu “Dũng trực”, vay 02 lần, mỗi lần D vay 10.000.000 đồng, thời hạn góp là 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng, tiền phí 1.000.000 đồng. Tổng số tiền mỗi lần vay D phải trả là 13.800.000 đồng. D đã trả hết nợ lần 1 với tổng số tiền là 13.800.000 đồng. Gồm: 10.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền phí, 2.800.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 175.342 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.624.658 đồng). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 3.624.658 đồng.

Lần 2: D trả được 10 ngày với tổng số tiền là 13.000.000 đồng. Gồm: 9.375.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền phí, 2.625.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 164.384 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.460.616 đồng), còn nợ 800.000 đồng (Trong đó 625.000 đồng tiền gốc và 175.000 đồng tiền lãi). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 3.460.616 đồng.

4. Người vay có ký hiệu “Dung Tứ Hạ” vay 1 lần 5.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày, tiền phí 300.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng. Tổng số tiền D phải trả là 6.550.000 đồng. D trả được 19 ngày với tổng số tiền là 5.050.000 đồng. Gồm: 3.800.000 đồng tiền gốc, 300.000 đồng tiền phí, 950.000 đồng tiền lãi (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 52.055 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 897.945 đồng), còn nợ 1.500.000 đồng (trong đó 1.200.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi). Số tiền M, H thu lợi bất chính là 1.197.945 đồng.

Như vậy tổng số tiền Phạm Hữu M và Phạm Hữu H cho 04 người chưa rõ tên tuổi với 15 khoản vay là 85.000.000 đồng. M, H đã thu lại được là 103.450.000 đồng. Gồm: tiền gốc là 77.575.000 đồng, tiền phí là 5.900.000 đồng, tiền lãi là 19.975.000 đồng (Trong đó tiền lãi ở mức 20%/năm là 1.136.986 đồng, tiền lãi vượt quá 20%/năm là 18.838.014 đồng). Số tiền gốc còn lại những người vay chưa trả là 7.425.000 đồng. Số tiền M, H thu lợi bất chính (Gồm tiền phí và tiền lãi vượt quá 20%/năm là 24.738.014 đồng).

Tổng cộng với 7 người và 32 khoản cho vay, Phạm Hữu M và Phạm Hữu H đã thu lợi bất chính tổng số tiền gồm: 40.234.247 đồng + 24.738.014 đồng = **64.972.261 đồng.**

- *Vật chứng, tài liệu tạm giữ:*

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 1: 3531081113185833, số Imei 2: 3531081136858832, bên trong có sim số 0376426723 (đã niêm phong);

+ 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus màu vàng trắng, số Imei: 354386061966250 (đã niêm phong);

+ 01 quyển vở của Công ty cổ phần giấy Hải Tiến có 28 tờ giấy, bên trong ghi chép các khoản cho vay tiền và theo dõi trả nợ;

+ 05 tờ rơi quảng cáo cho vay tiền, mỗi tờ có nội dung “Cho vay trả góp, chỉ cần: CMND-SHK-Photo 0376426723. Gặp A.Hòa”;

+ 01 Sổ hộ khẩu số 580299115 mang tên chủ hộ Ngô T, nơi thường trú 51/40 Nguyễn Sinh Cung, phường Võ Dạ, thành phố Huế;

+ Tiền Việt Nam 10.800.000 đồng (trong đó: Phạm Hữu M giao nộp 5.000.000 đồng, Phạm Hữu H giao nộp 5.800.000 đồng).

- *Xử lý vật chứng:*

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại cho ông Ngô T (sinh năm 1960; trú tại 51/40 đường N, phường V, thành phố Huế) 01 Sổ hộ khẩu số 580299115.

+ Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 quyển vở nhãn hiệu Công ty giấy Hải Tiến có 28 tờ giấy và 05 tờ rơi quảng cáo cho vay tiền.

+ Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại Nokia, 01 điện thoại iPhone 6 Plus và Tiền Việt Nam 10.800.000 đồng để đảm bảo việc xét xử.

- Đối với số tiền lãi bất hợp pháp mà Phạm Hữu M và Phạm Hữu H thu được thì những người vay tiền không yêu cầu M, H phải trả lại. Về số tiền M, H thu lợi bất chính và số tiền gốc người vay còn nợ cần tịch thu sung công Nhà nước; hiện M, H và người vay chưa có ai giao nộp.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Phạm Hữu M, Phạm Hữu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 257/CT-VKS-HS ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố các bị cáo Phạm Hữu M, Phạm Hữu H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hữu M từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hữu H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 30.000.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng.

*Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 468 Bộ luật dân sự: Đề nghị:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia, bên trong có sim số 0376426723 và 01 điện thoại iPhone 6 Plus (máy được niêm phong).

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 quyển vở nhãn hiệu Công ty giấy Hải Tiến có 28 tờ giấy và 05 tờ rơi quảng cáo cho vay tiền.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.800.000 đồng (trong đó: của Mạnh 5.000.000 đồng, của Hải 5.800.000 đồng) để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

+ Đối với 03 người xác định được lai lịch:

Buộc bị cáo M và H phải liên đới bồi thường cho 03 người vay xác định được tên tuổi với số tiền 40.234.247 đồng theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 50% trên tổng số tiền phải bồi thường cho từng người vay. Cụ thể: Hoàng Công Q 26.904.110 đồng, Trần Thị Thanh S 12.341.097 đồng, Ngô Thị Bích P 989.041 đồng.

Buộc bị cáo M và H cùng nhau nộp số tiền lãi ở mức cho phép 20% là 1.665.753 đồng và số tiền gốc đã thu lại được là 121.600.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 123.265.753 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc những người vay xác định được tên tuổi nộp lại tổng tiền gốc 13.400.000 đồng mà những người vay tiền đã nhận của bị cáo M và H nhưng chưa trả lại đủ để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Trần Thị Thanh S nộp 4.200.000 đồng, Ngô Thị Bích P nộp 9.200.000 đồng.

+ Đối với 04 người vay tiền không xác định được lai lịch:

Buộc bị cáo M và H cùng nhau nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 24.738.014 đồng, tiền lãi ở mức cho phép 20% là 1.136.986 đồng và tiền gốc đã thu được là 77.575.000 đồng của 04 người vay không xác định được lai lịch. Tổng cộng 3 khoản gồm 103.450.000 đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng M, H phải cùng nhau nộp để sung vào ngân sách Nhà nước 5 khoản là: 123.265.753 đồng + 103.450.000 đồng = 226.715.753 đồng.

*Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Hữu M, Phạm Hữu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của các bị cáo phù

hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2021, tại thành phố Huế, Phạm Hữu M và Phạm Hữu H cho 07 người dân vay tiền với 32 khoản vay lãi nặng trong giao dịch dân sự bằng hình thức trả góp cả gốc và lãi hằng ngày. Số tiền gốc M, H bỏ ra cho vay là 220.000.000 đồng, với lãi suất từ 0,88%/ngày đến 1,0%/ngày (tương ứng với 319,38%/năm đến 365%/năm), cao gấp 15,97 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Số tiền M, H đã thu lại được là 266.950.000 đồng. Gồm tiền gốc là 199.175.000 đồng, tiền phí là 17.400.000 đồng, tiền lãi là 50.375.000 đồng (Trong đó: tiền lãi vượt quá quy định 20%/năm là 47.572.260 đồng, tiền lãi trong mức lãi suất cho phép 20%/năm là 2.802.740 đồng). Số tiền M, H thu lợi bất chính (Gồm tiền lãi vượt quá 20%/năm và tiền phí) là 64.972.261 đồng (*Sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi một đồng*). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với các bị cáo Phạm Hữu M, Phạm Hữu H về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Hữu M không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo Phạm Hữu H phạm vào tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cả hai bị cáo Phạm Hữu M và Phạm Hữu H đều thành khẩn khai báo, nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính để trả cho những người vay tiền nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Các bị cáo dùng thủ đoạn lợi dụng hoàn cảnh người vay gặp khó khăn, cần tiền gấp để thực hiện hành vi ép người vay phải chịu lãi suất rất cao nhằm thu lợi bất chính. Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong đó Mạnh và Hải đều thực hiện vai trò ngang nhau.

Bị cáo Phạm Hữu M được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân tốt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo Phạm Hữu H có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, lần phạm tội này đã phạm vào tình tiết định tăng nặng hình phạt “ Tái phạm”, do đó cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, khi



phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sớm hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân tốt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Ngoài hình phạt chính mà các bị cáo phải chịu là phạt cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là loại tội phạm xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên cần áp dụng thêm khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự để xử phạt bổ sung đối với các bị cáo đó là phạt tiền.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 10.800.000 đồng (trong đó của Mạnh là 5.000.000 đồng, của Hải là 5.800.000 đồng) do Mạnh và Hải tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả tại cơ quan điều tra và hiện đang gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Đây là số tiền của M và H nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với M và H.

- Đối với 01 điện thoại Nokia, bên trong có sim số 0376426723 và 01 điện thoại iPhone 6 Plus (máy được niêm phong). Đây là vật chứng dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với các tài liệu, chứng cứ thu được gồm: 01 quyển vở nhãn hiệu Công ty giấy Hải Tiến có 28 tờ giấy và 05 tờ rơi quảng cáo cho vay tiền, là các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền lãi và phí bất hợp pháp mà các bị cáo M và H thu được của 3 người vay là 40.234.247 đồng. Cụ thể: Hoàng Công Q 26.904.110 đồng, Trần Thị Thanh S 12.341.097 đồng, Ngô Thị Bích P 989.041 đồng.

Đây là số tiền các bị cáo M và H đã thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên buộc các bị cáo M và H phải liên đới bồi thường cho 03 người vay nêu trên với số tiền 40.234.247 đồng theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 50% trên tổng số tiền phải bồi thường cho từng người vay.

Đối với số tiền gốc các bị cáo M và H đã thu lại được là 121.600.000 đồng, đây là phương tiện phạm tội và tiền lãi ở mức cho phép 20% là 1.665.753 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên buộc các bị cáo M và H cùng nhau nộp tổng cộng hai khoản là 123.265.753 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 04 người vay tiền không xác định được lai lịch:

Buộc bị cáo M và H cùng nhau nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 24.738.014 đồng, tiền lãi ở mức cho phép 20% là 1.136.986 đồng và tiền gốc đã thu được là 77.575.000 đồng. Tổng cộng 3 khoản gồm 103.450.000 đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng M, H phải cùng nhau nộp để sung vào ngân sách Nhà nước 5 khoản là: 123.265.753 đồng + 103.450.000 đồng = 226.715.753 đồng.

Do các bị cáo M và H cùng góp số tiền ngang nhau để cho vay lãi nặng, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm ngang nhau trong việc bồi thường cũng như phải nộp lại số tiền bị truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Theo đó, các bị cáo M và H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 113.357.876 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 13.400.000 đồng mà những người vay tiền đã nhận của bị cáo Mạnh và Hải nhưng chưa trả lại đủ: Số tiền này là phương tiện phạm tội nên cần buộc những người vay tiền nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Trần Thị Thanh S nộp 4.200.000 đồng, Ngô Thị Bích P nộp 9.200.000 đồng.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:** Khoản 1, Khoản 3 Điều 201; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

**Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Hữu M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

**Xử phạt:** Bị cáo Phạm Hữu M 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Hữu M cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Hữu M.

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Hữu M 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

**Căn cứ:** Khoản 1, Khoản 3 Điều 201; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 36, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

**Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Hữu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

**Xử phạt:** Bị cáo Phạm Hữu H 1 (một) năm 3 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Hữu H cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Hữu H.

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Hữu H 30.000.000 (ba mươi triệu ) đồng.

### **2. Về xử lý vật chứng:**

- Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Phạm Hữu M để đảm bảo việc thi hành án dân sự đối với bị cáo Phạm Hữu M.

- Tạm giữ số tiền 5.800.000 đồng của bị cáo Phạm Hữu H để đảm bảo việc thi hành án dân sự đối với bị cáo Phạm Hữu H.

(Số tiền này được cơ quan điều tra nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy nộp tiền số 07072100250077

ngày 07/7/2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Huế).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Nokia, bên trong có sim số 0376426723 và 01 điện thoại iPhone 6 Plus (máy được niêm phong).

(Vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế).

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 quyển vở nhãn hiệu Công ty giấy Hải Tiến có 28 tờ giấy và 05 tờ rơi quảng cáo cho vay tiền.

### 3. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc các bị cáo Phạm Hữu M và Phạm Hữu H có trách nhiệm liên đới bồi thường với số tiền 40.234.247 đồng thu lợi bất chính cho 03 người vay theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 50% trên tổng số tiền phải bồi thường cho từng người vay (Bị cáo Mạnh bồi thường 20.117.123 đồng cho 3 người vay tiền, bị cáo Hải bồi thường 20.117.123 đồng cho 3 người vay tiền). Cụ thể phải bồi thường cho:

Hoàng Công Q 26.904.110 đồng ( Hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ bốn ngàn một trăm mười ngàn đồng).

Trần Thị Thanh S 12.341.097 đồng (Mười hai triệu ba trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi bảy đồng).

Ngô Thị Bích P 989.041 đồng (Chín trăm tám mươi chín ngàn không trăm bốn mươi một đồng).

- Buộc các bị cáo Phạm Hữu M và Phạm Hữu H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 113.357.876 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng ) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo M và H nhưng chưa trả là 13.400.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

Trần Thị Thanh S nộp 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Ngô Thị Bích P nộp 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Hữu M, Phạm Hữu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**



